

Số: TVHN-304/DBQG

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2025

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

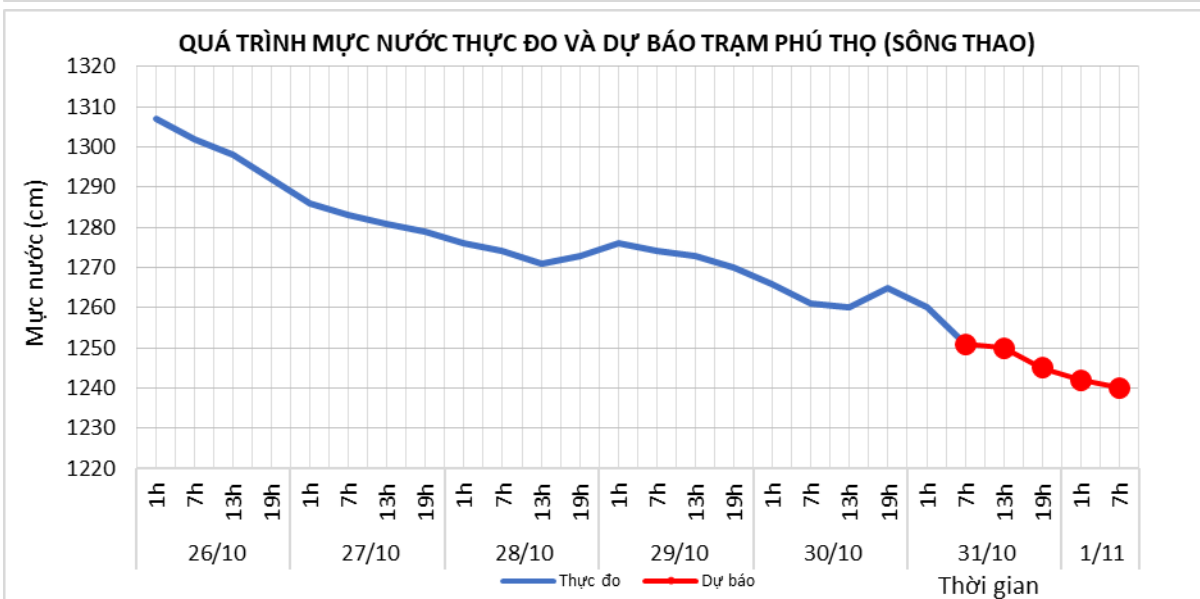
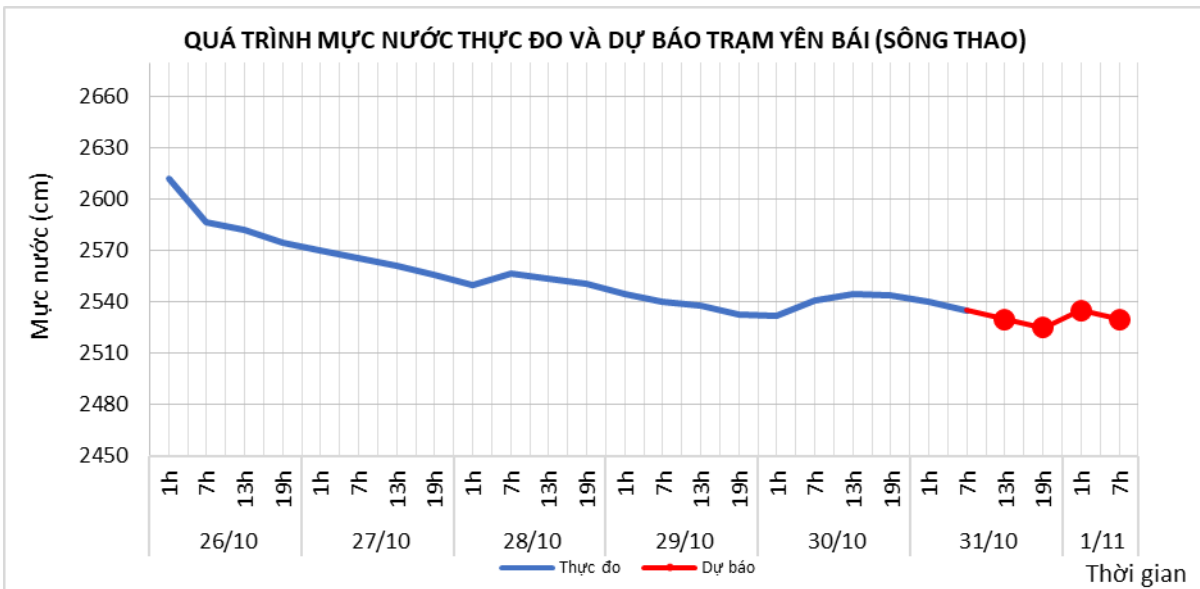
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



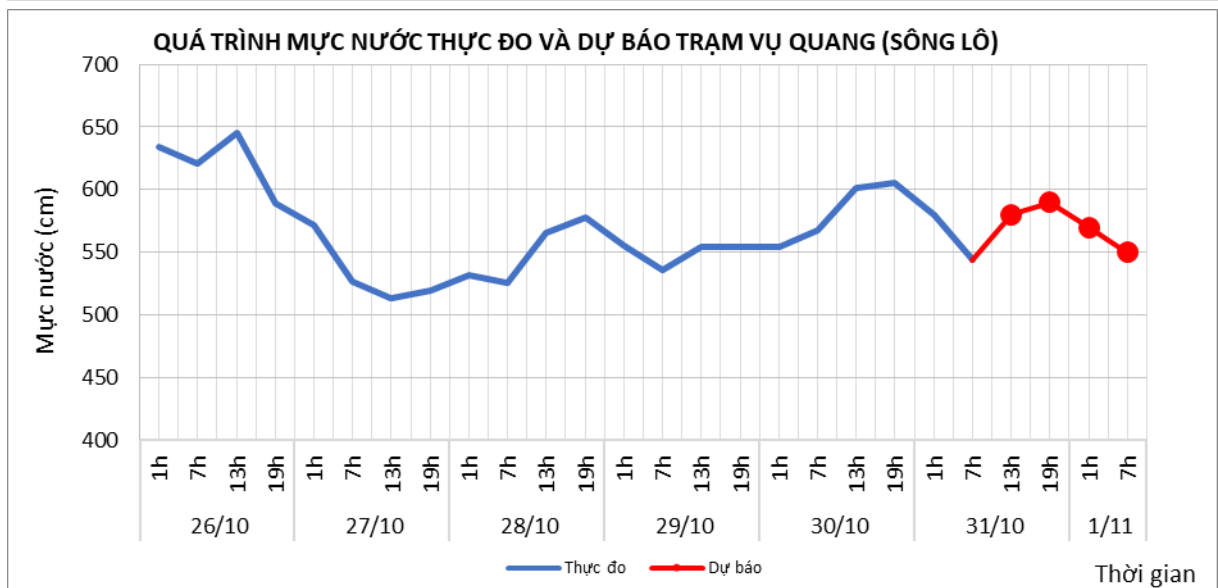
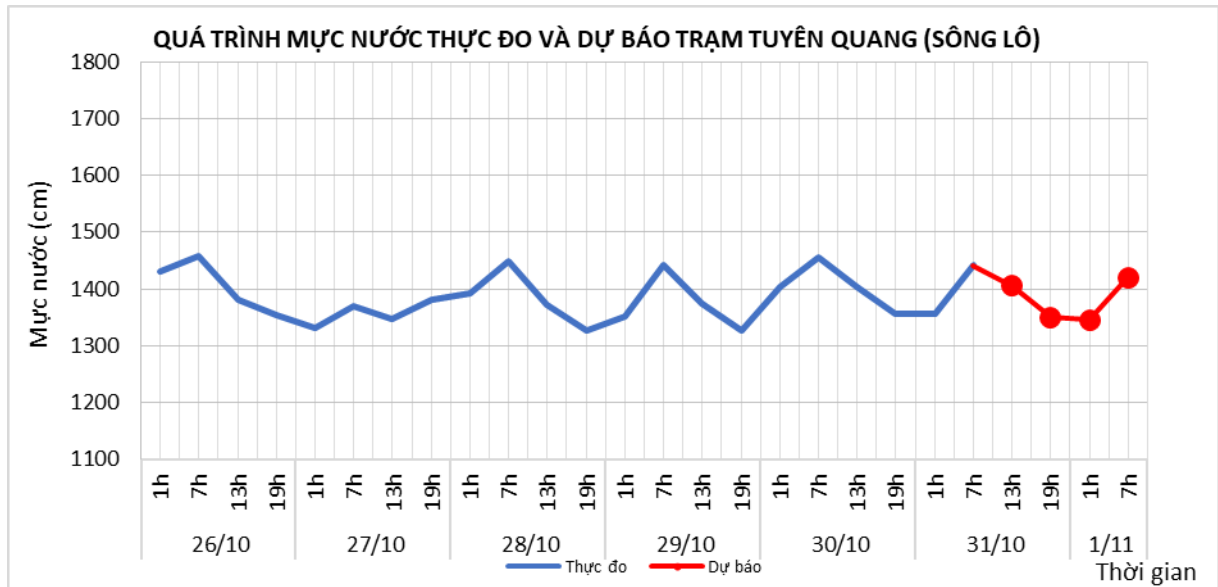
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.



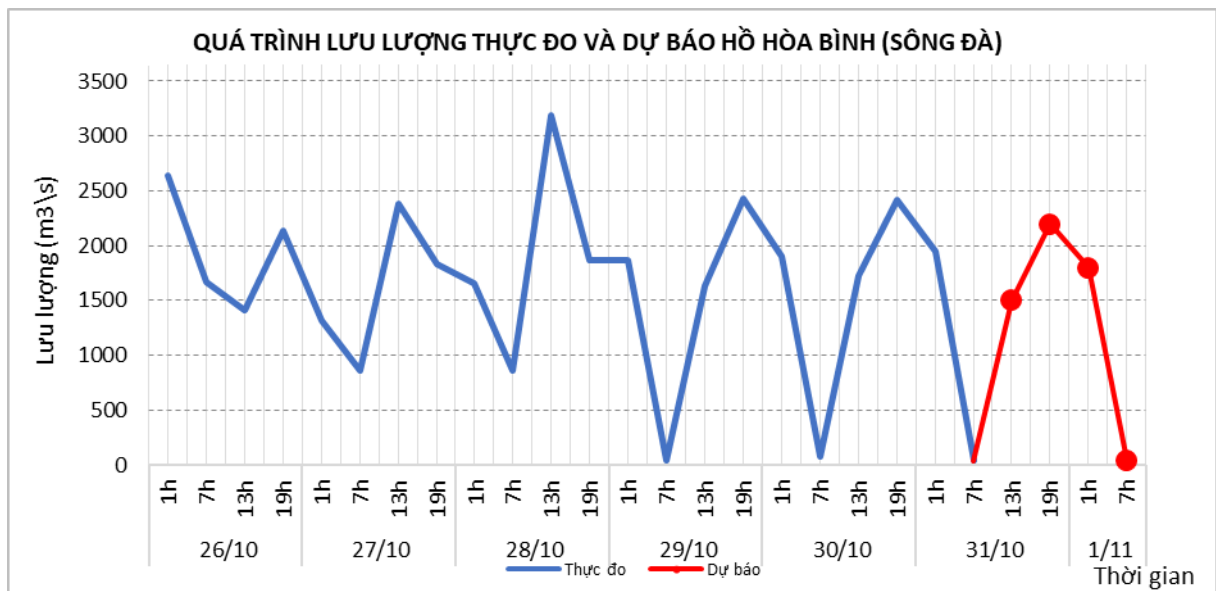
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



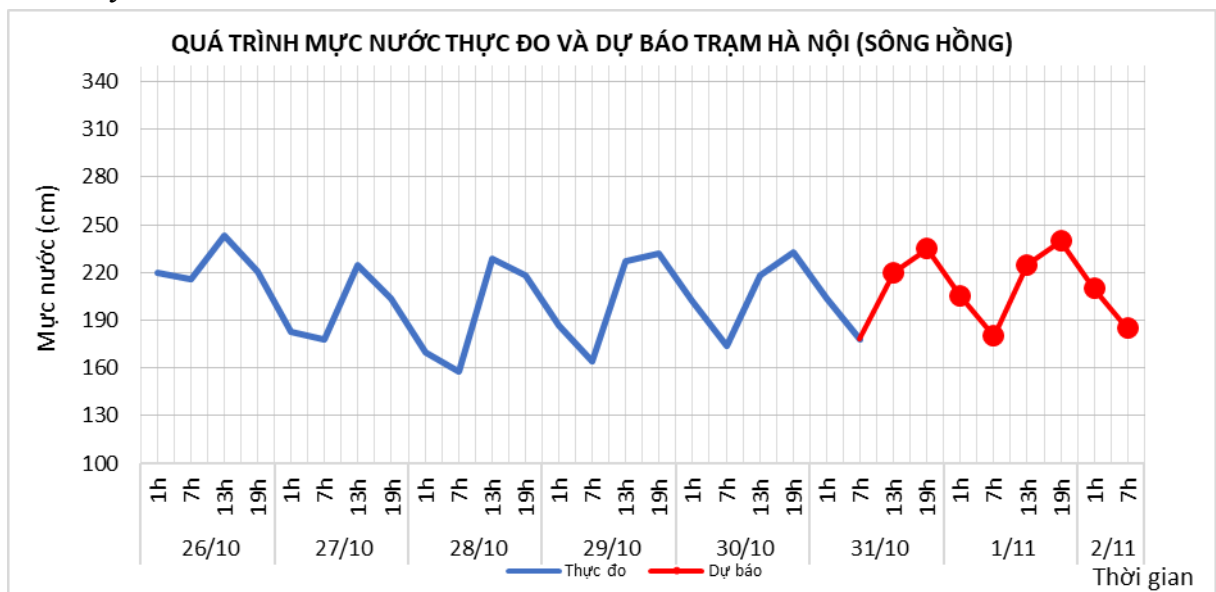
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

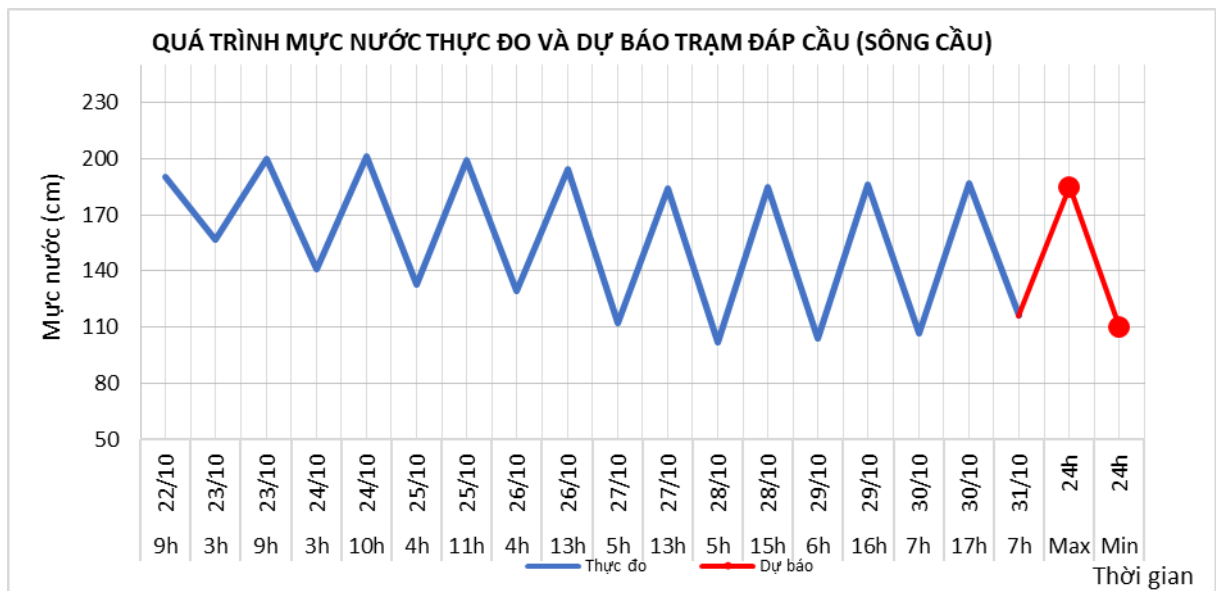
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo thủy triều.



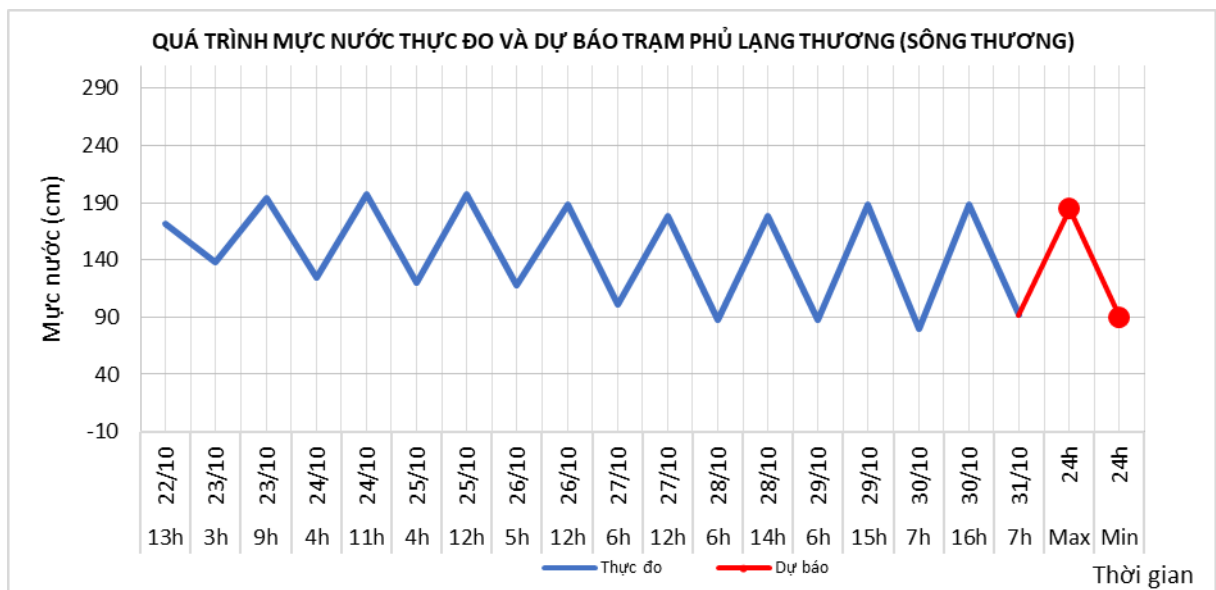
## 2.2. Sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương sẽ biến đổi chậm ảnh hưởng thủy triều.



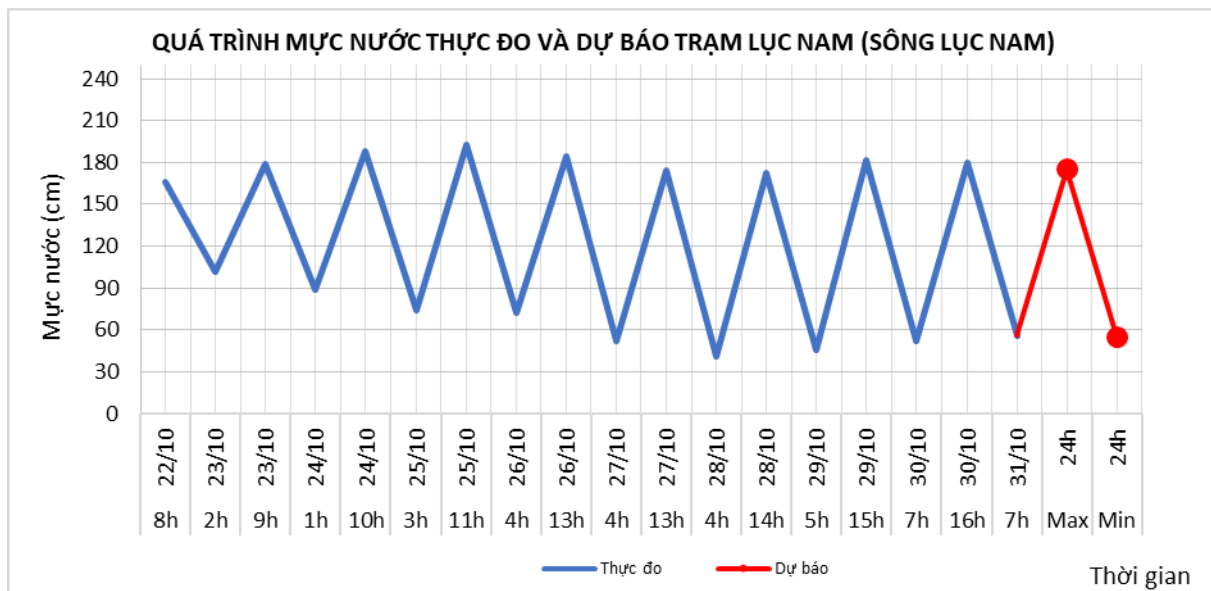
## 2.3. Sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo thủy triều.



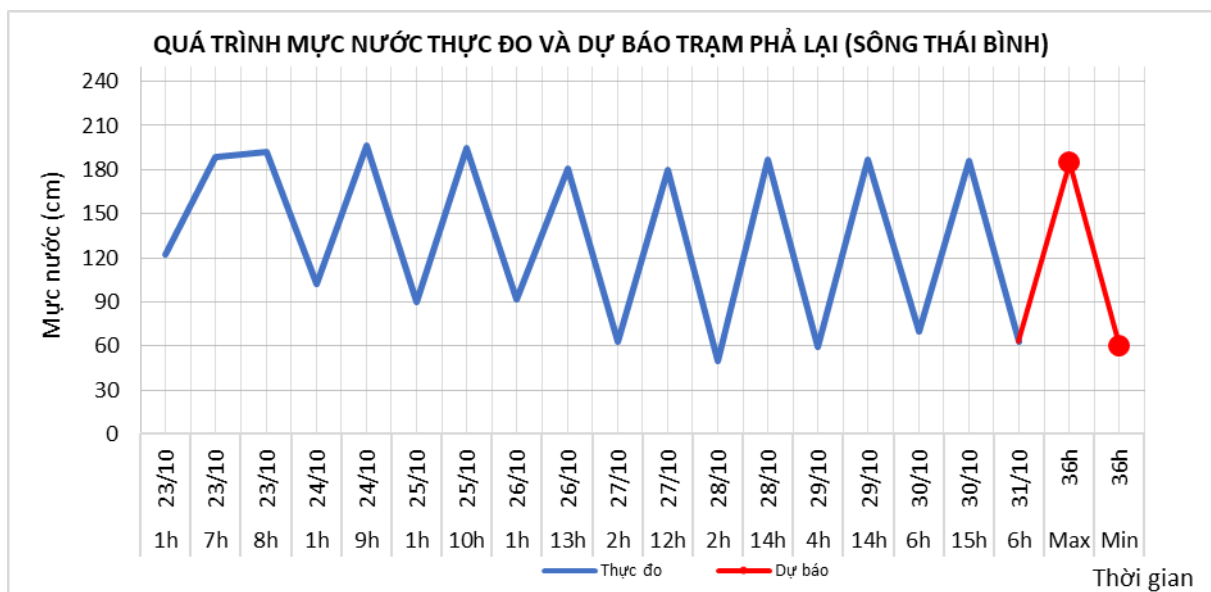
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình đang dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại dao động theo ảnh hưởng của thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,85m; thấp nhất là 0,65m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

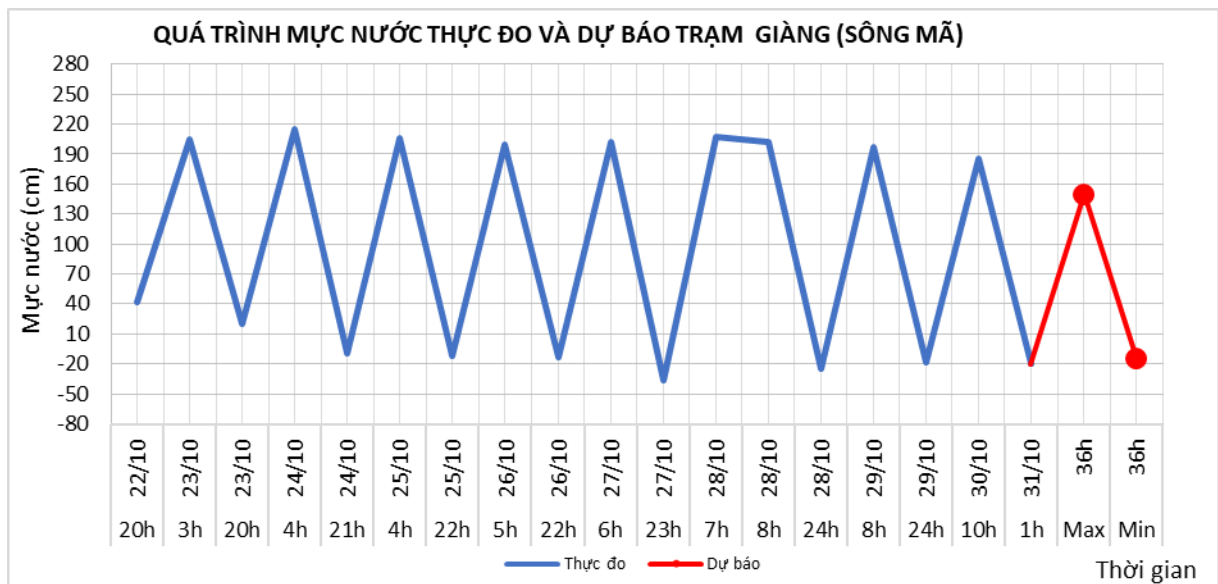
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.



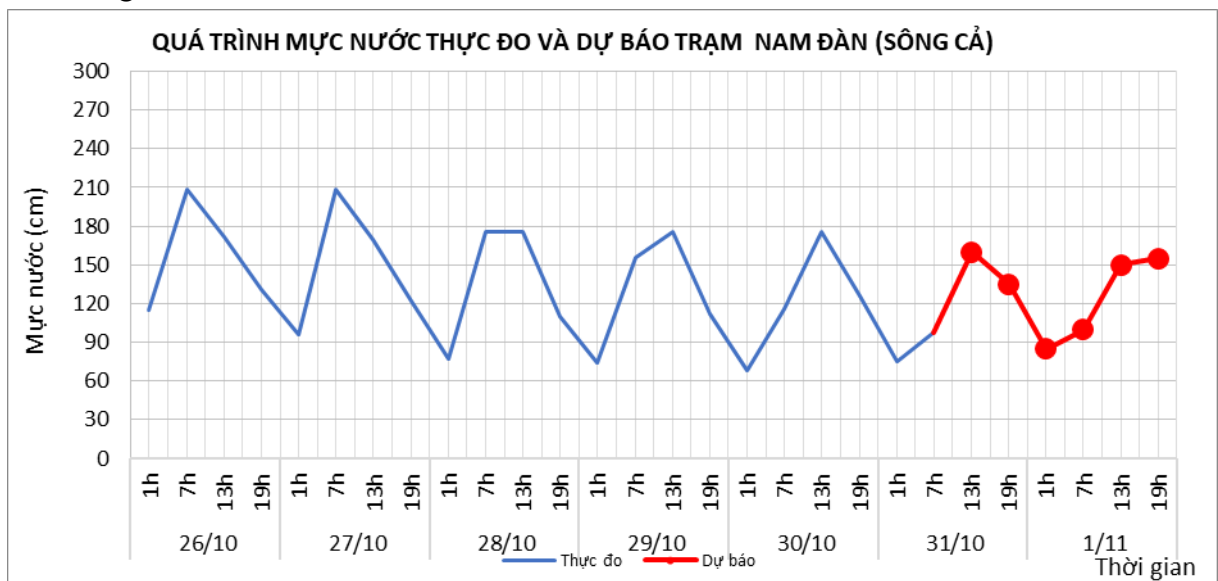
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.



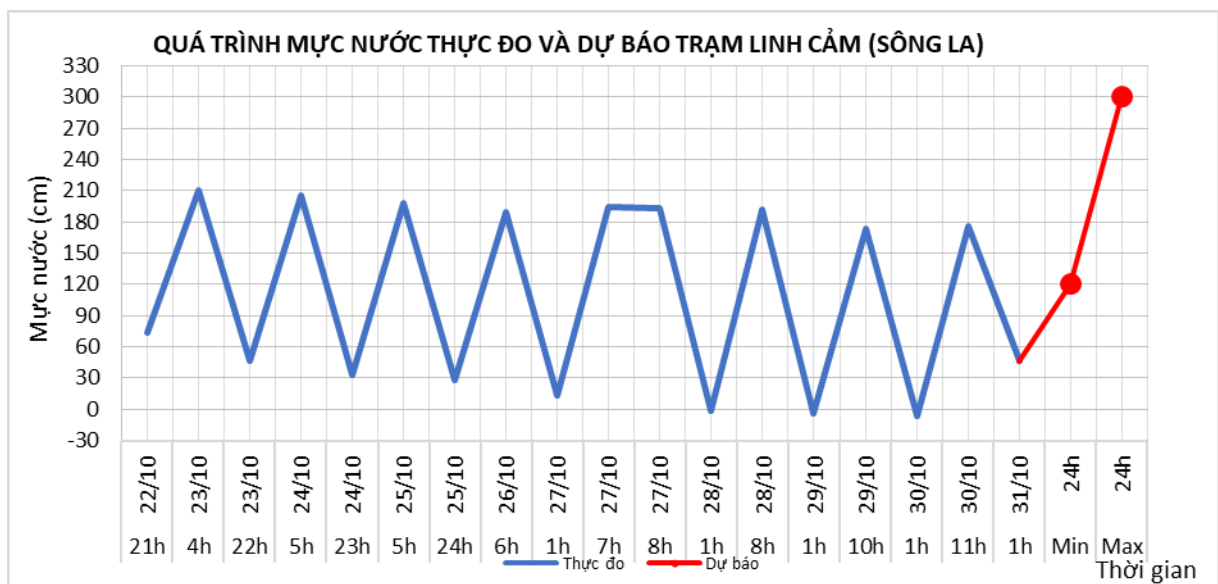
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố đang lên, hạ lưu sông La dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố tiếp tục lên, hạ lưu sông La sẽ lên. Đến 7h/01/11, mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố khả năng lên mức BD1-BD2, hạ lưu sông La còn ở dưới mức BD1.



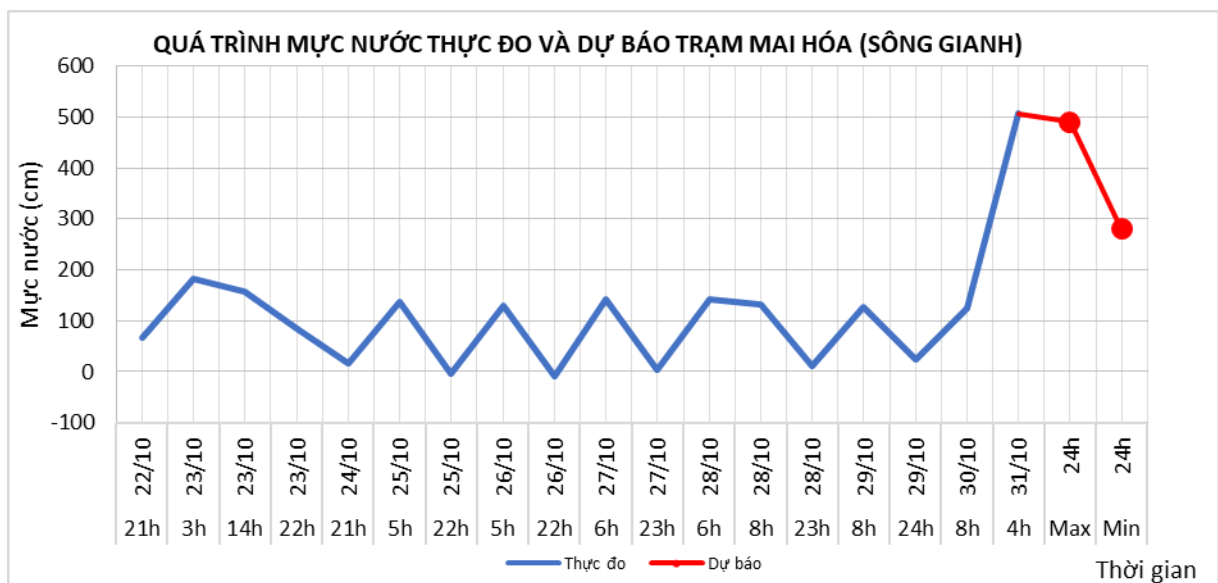
### 3.4. Sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Gianh đã đạt đỉnh và đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 12-24 giờ tới, lũ trên sông Gianh khả năng tiếp tục xuống dưới mức BĐ1 đến BĐ1.



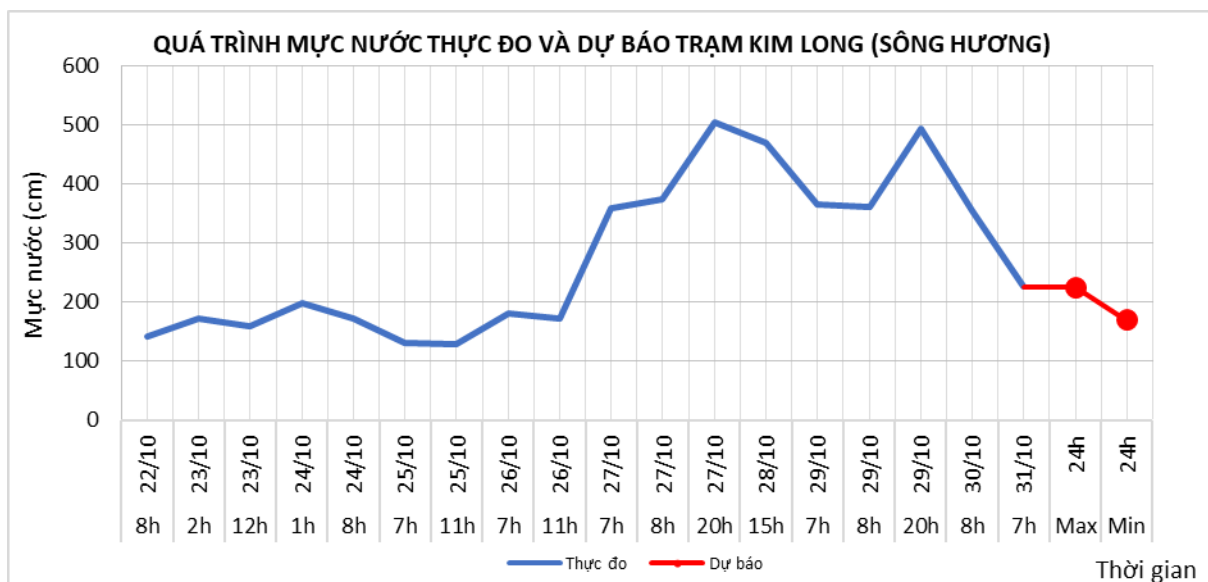
### 3.5. Sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Hương và sông Bồ đang xuống ở mức trên BĐ2 từ 0,26-,039m

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 12-24 giờ tới, lũ trên sông Hương và sông Bồ xuống chậm và dao động ở mức dưới BĐ2



**Cảnh báo:** Từ hôm nay (31/10) đến ngày 05/11, trên các sông từ Nghệ An đến Quảng Trị có khả năng xuất hiện 01 đợt lũ. Trong đợt lũ này, mực nước đỉnh lũ thượng lưu sông Cả (Nghệ An) lên mức BĐ1-BĐ2; sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố (Hà Tĩnh), sông Gianh, sông Kiến Giang, sông Thạch Hãn (Quảng Trị) lên mức BĐ2-BĐ3, có sông trên mức BĐ3, hạ lưu sông La (Hà Tĩnh) lên mức BĐ1-BĐ2.

#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

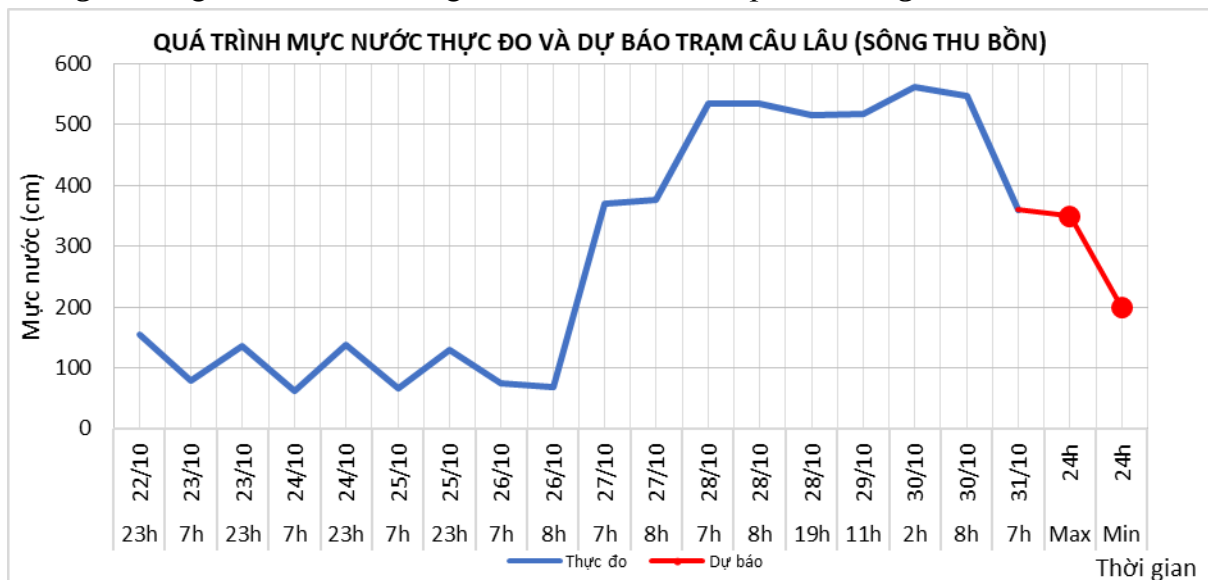
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Vu Gia-Thu Bồn đang xuống dần nhưng vẫn ở mức cao BĐ2-BĐ3.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 12-24 giờ tới, lũ trên sông Vu Gia-Thu Bồn tiếp tục xuống mức BĐ1-BĐ2.



##### 4.2. Sông Trà Khúc

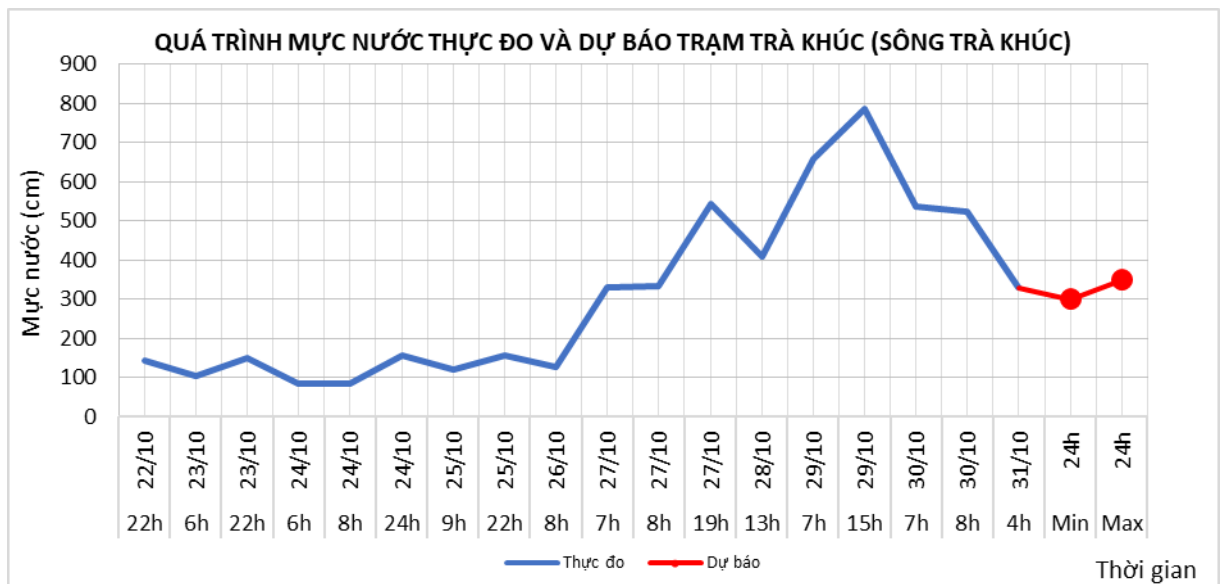
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên sông Trà Khúc đang xuống và dưới mức BĐ1.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Trà Khúc khả năng dao động ở mức dưới BĐ1 đến BĐ1.





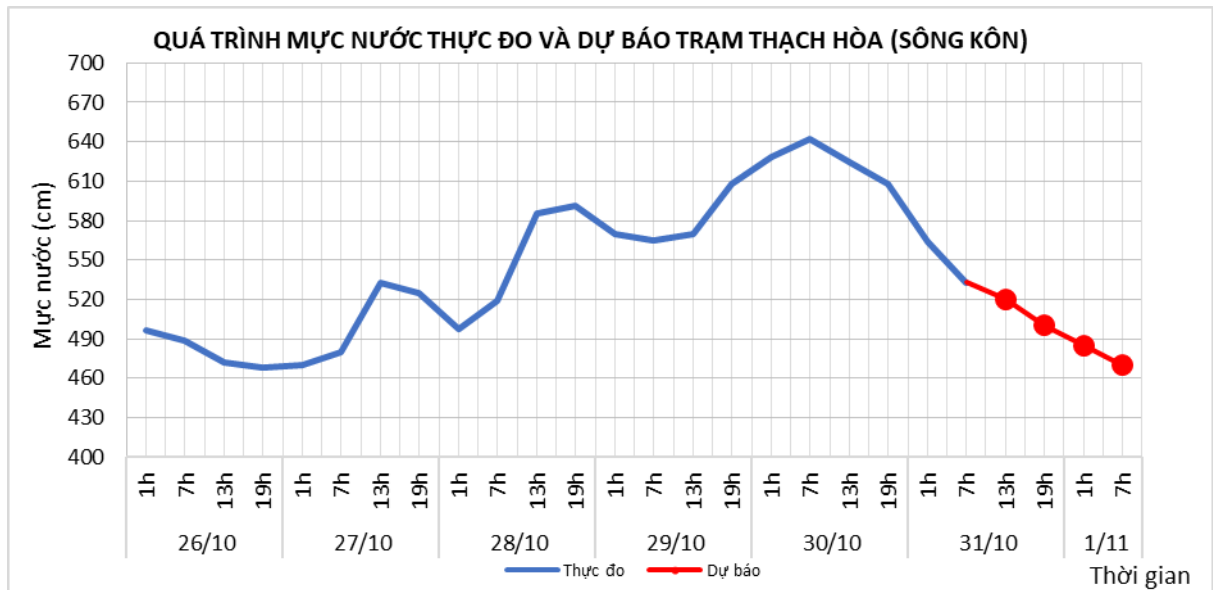
### 4.3. Sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Kôn đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Kôn tiếp tục xuống.



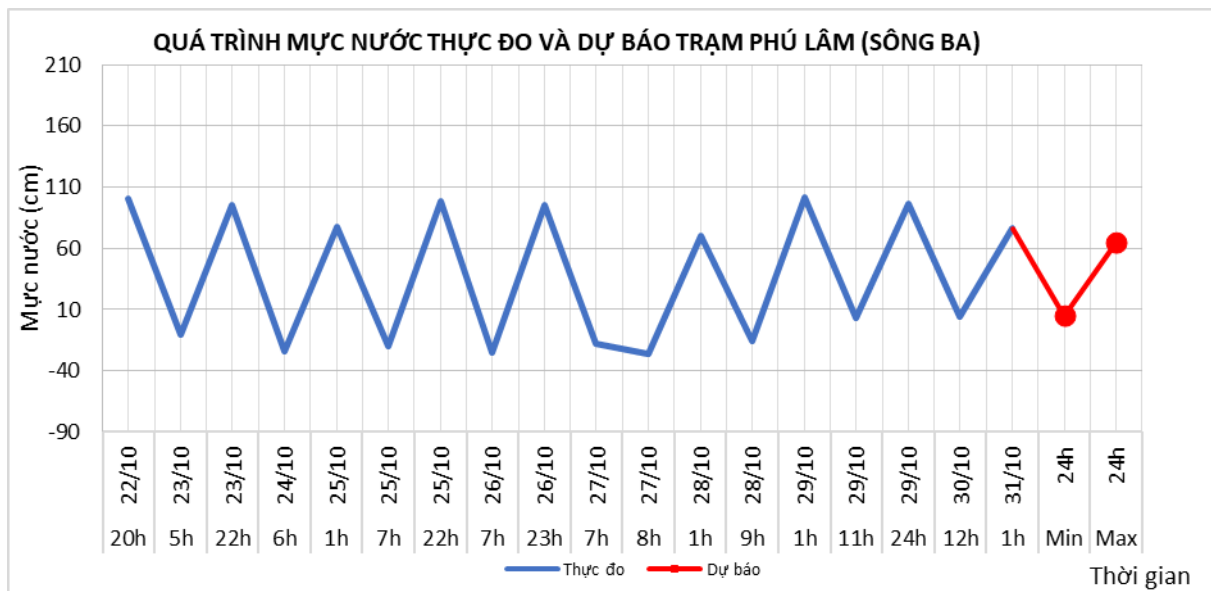
### 4.4. Sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mức nước trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

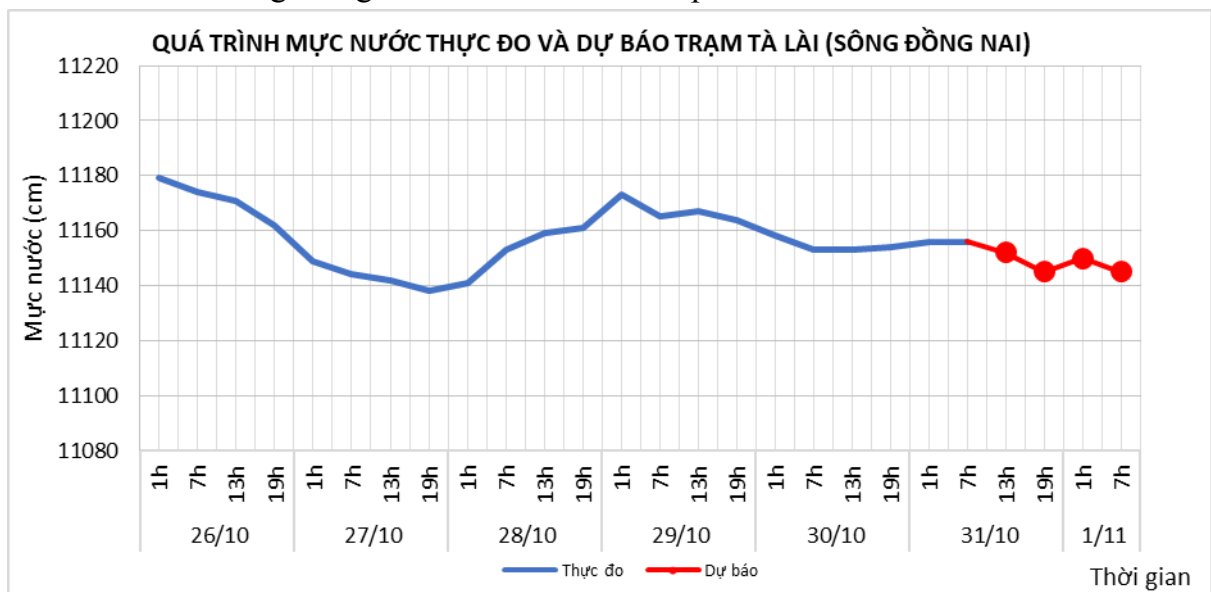
### 5.1. Sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài tiếp tục biến đổi chậm.



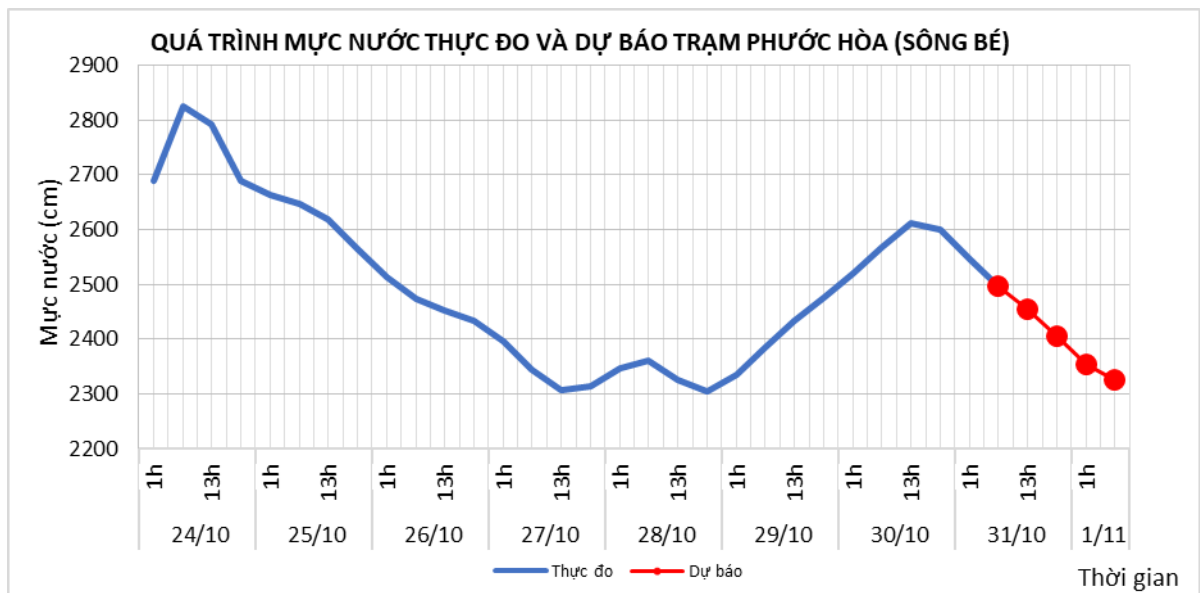
### 5.2. Sông Bé

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà sẽ tiếp tục xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà tiếp tục lên sau đó xuống.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

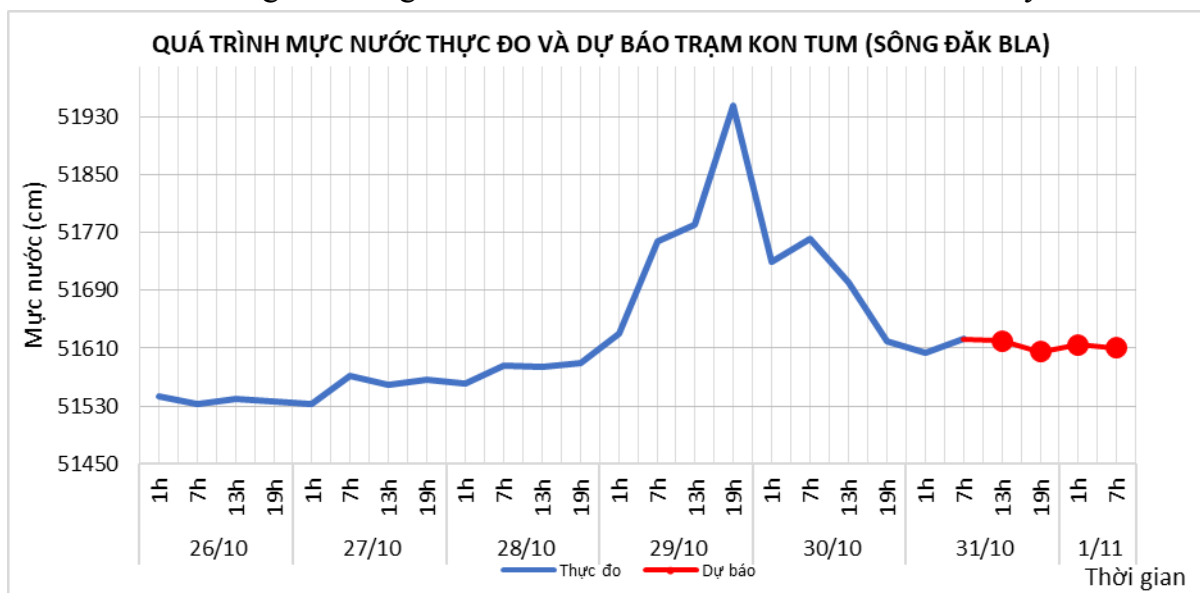
### 6.1. Sông ĐắkBla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước các sông dao động theo vận hành điều tiết của các hồ chứa thủy điện.



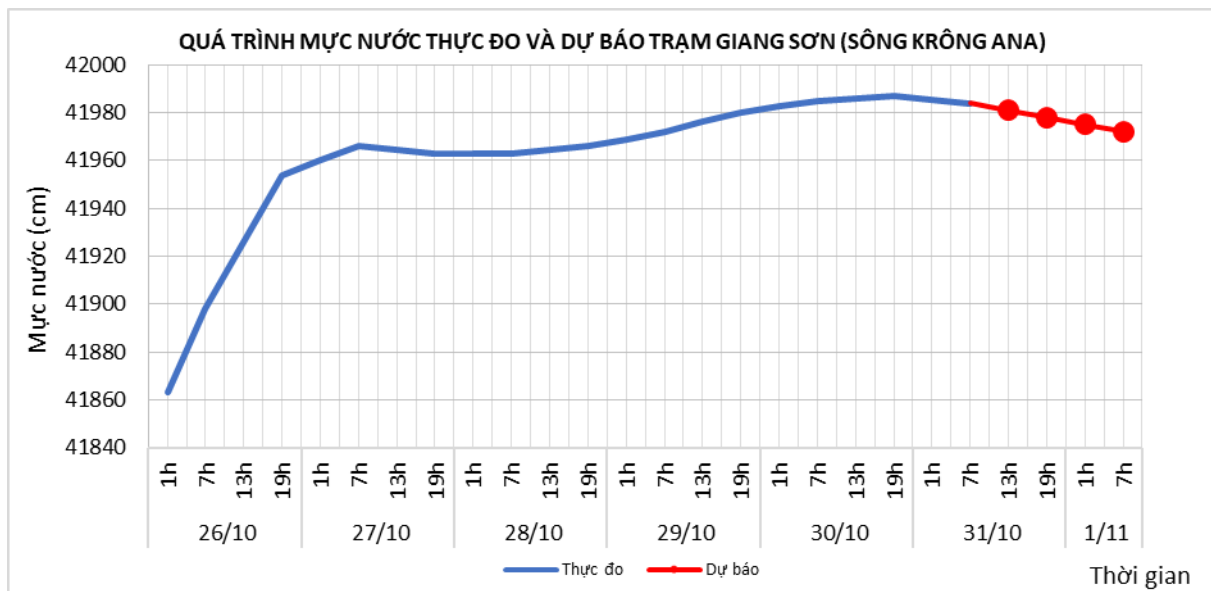
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm; mức nước các sông khác dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện.



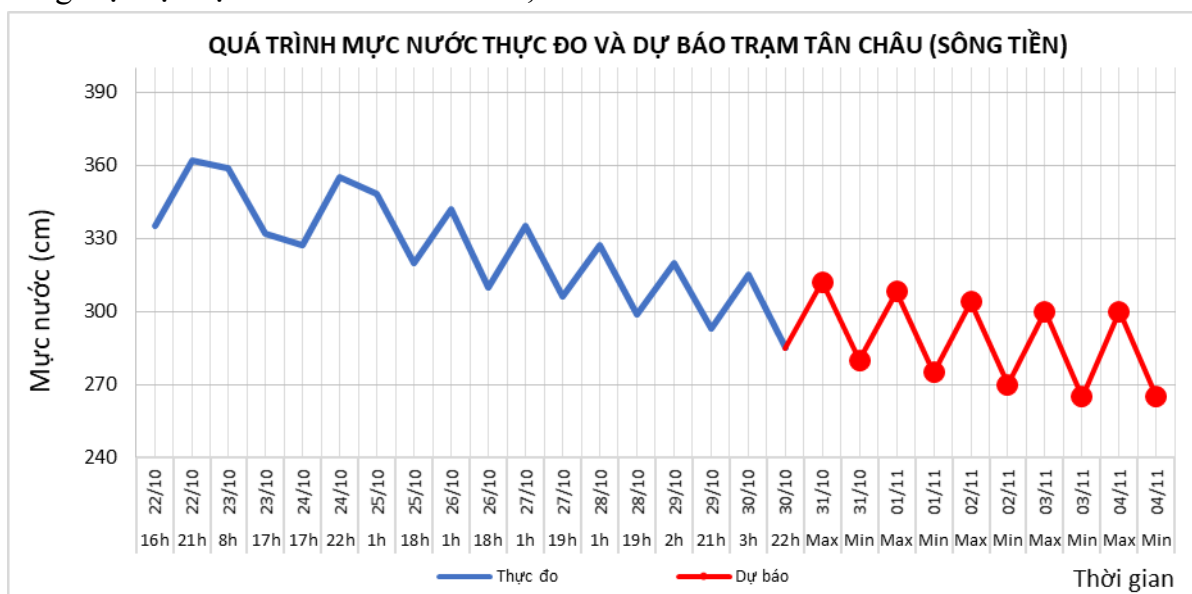
### 6.3. Sông Cửu Long

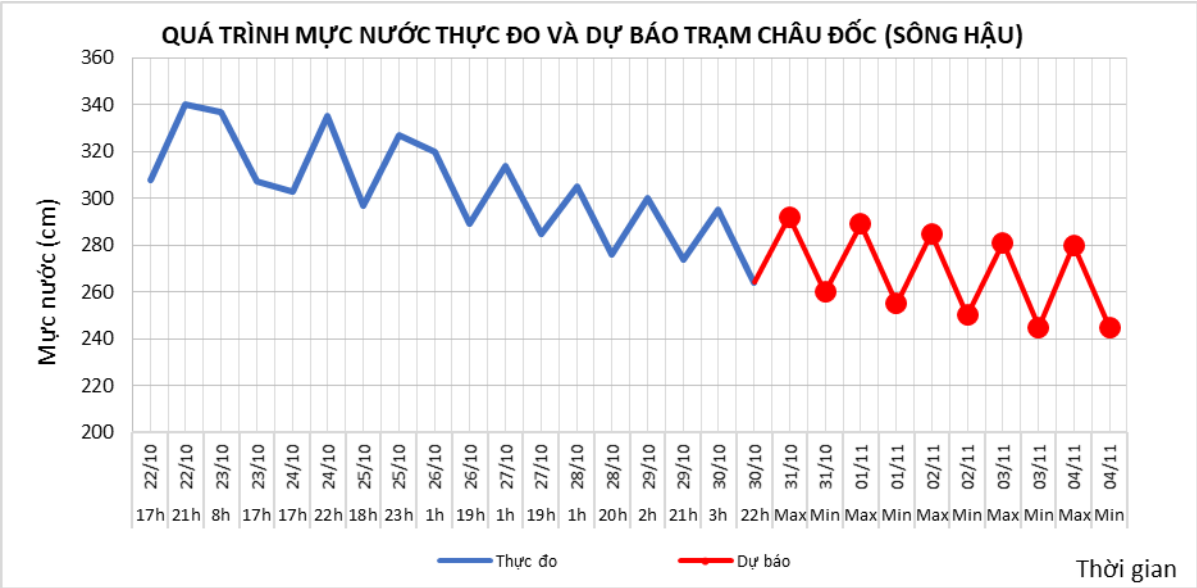
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều theo xu thế xuống dần. Mức nước cao nhất ngày 30/10 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,15m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,95m, dưới mức BĐ1 0,05m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Đến ngày 04/11, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,0m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,80m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-30/10             | 19h-30/10 | 1h-31/10 | 7h-31/10 | 13h-31/10            |   | 19h-31/10 |   | 1h-01/11 |   | 7h-01/11 |   | 13h-01/11 |   | 19h-01/11 |   | 1h-02/11 |   | 7h-02/11 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 1731                  | 2419      | 1950     | 40       | 1500                 | 📈 | 2200      | 📈 | 1800     | 📉 | 40       | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2545                  | 2544      | 2540     | 2535     | 2530                 | 📉 | 2525      | 📉 | 2535     | 📈 | 2530     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1260                  | 1265      | 1260     | 1251     | 1250                 | 📉 | 1245      | 📉 | 1242     | 📉 | 1240     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1403                  | 1355      | 1357     | 1441     | 1405                 | 📉 | 1350      | 📉 | 1345     | 📉 | 1420     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 601                   | 605       | 580      | 544      | 580                  | 📈 | 590       | 📈 | 570      | 📉 | 550      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 218                   | 233       | 204      | 178      | 220                  | 📈 | 235       | 📈 | 205      | 📉 | 180      | 📉 | 225       | 📈 | 240       | 📈 | 210      | 📉 | 185      | 📉 |
| Cả        | Nam Đàn         | 176                   | 126       | 75       | 98       | 160                  | 📈 | 135       | 📉 | 85       | 📉 | 100      | 📈 | 150       | 📈 | 155       | 📈 |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 625                   | 608       | 564      | 533      | 520                  | 📉 | 500       | 📉 | 485      | 📉 | 470      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11153                 | 11154     | 11156    | 11156    | 11152                | 📉 | 11145     | 📉 | 11150    | 📈 | 11145    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2612                  | 2600      | 2547     | 2498     | 2455                 | 📉 | 2405      | 📉 | 2355     | 📉 | 2325     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51702                 | 51620     | 51603    | 51623    | 51620                | 📉 | 51605     | 📉 | 51615    | 📈 | 51610    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41986                 | 41987     | 41988    | 41984    | 41981                | 📉 | 41978     | 📉 | 41975    | 📉 | 41972    | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 187                         | ↑ | 116                | ↑ | 185                        | ↓ | 110                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 188                         | → | 92                 | ↑ | 185                        | ↓ | 90                 | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 180                         | ↓ | 56                 | ↑ | 175                        | ↓ | 55                 | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 186                         | ↓ | 63                 | ↑ | 185                        | ↓ | 60                 | ↓ |
| Mã        | Giàng (**)      | 186                         | ↓ | -20                | ↑ | 150                        | ↓ | -15                | ↑ |
| La        | Linh Cảm        | 176                         | ↑ | 46                 | ↑ | 300                        | ↑ | 120                | ↑ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 507                         | ↑ | 124                | ↑ | 490                        | ↓ | 280                | ↑ |
| Hương     | Kim Long        | 354                         | ↓ | 226                | ↓ | 225                        | ↓ | 170                | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 547                         | ↓ | 360                | ↓ | 350                        | ↓ | 200                | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 525                         | ↓ | 330                | ↓ | 350                        | ↓ | 300                | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 76                          | ↓ | 4                  | ↑ | 65                         | ↓ | 5                  | ↑ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 30/10  |   | 31/10 |   | 01/11 |   | 02/11 |   | 03/11 |   |                    |   | 04/11  |   | 30/10 |   | 31/10 |   | 01/11 |   | 02/11 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 315                    | ↓ | 312    | ↓ | 308   | ↓ | 304   | ↓ | 300   | ↓ | 300   | → | 285                | ↓ | 280    | ↓ | 275   | ↓ | 270   | ↓ | 265   | ↓ | 265   | → |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 295                    | ↓ | 292    | ↓ | 289   | ↓ | 285   | ↓ | 281   | ↓ | 280   | ↓ | 264                | ↓ | 260    | ↓ | 255   | ↓ | 250   | ↓ | 245   | ↓ | 245   | → |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 01/11

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng